

Vietnam Daily Review

Phiên giảm điểm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/12/2021		•	
Tuần 29/11-3/12/2021		•	
Tháng 11/2021			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Hôm nay thị trường trải qua một phiên giảm nhẹ với thanh khoản thấp. Sau một ngày giằng co trong biên độ hẹp 1484-1494 điểm, VN-Index kết phiên giảm 3 điểm so với ngày hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 9/19 ngành tăng điểm, dẫn đầu là ngành Y tế với mức tăng gần 2% . Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Nhìn chung, VN-Index có khả năng tiếp tục tích lũy trong ngắn hạn trước khi tiến lên những đỉnh cao mới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 02/12/2021, phần lớn các chứng quyền giảm nhẹ khi thị trường cơ sở giảm điểm cuối phiên. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: HDC_Hồi phục (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.14** điểm, đóng cửa **1,482.05** điểm. HNX-Index **+2.42** điểm, đóng cửa **458.23** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.19)**, **MSN (+0.65)**, **SAB (+0.42)**, **PLX (+0.40)**, **DIG (+0.39)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.00)**, **VHM (-0.66)**, **TCB (-0.63)**, **HPG (-0.46)**, **BCM (-0.41)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,055** tỷ đồng, giảm **11%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,000 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12 điểm. Thị trường có **212** mã tăng, 38 mã tham chiếu và **260** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-740.56** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DXG (-161.08 tỷ)**, **HPG (-107.89 tỷ)**, **MSN (-77.19 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-12.56** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1482.05**
Giá trị: 22054.55 tỷ **-3.14 (-0.21%)**
Khối ngoại (ròng): -740.56 tỷ

HNX-INDEX **458.23**
Giá trị: 3067.59 tỷ **2.42 (0.53%)**
Khối ngoại (ròng): -12.56 tỷ

UPCOM-INDEX **114.55**
Giá trị: 1962.53 tỷ **-0.03 (-0.03%)**
Khối ngoại(ròng): 19.75 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	66.5	1.36%
Giá vàng	1,774	-0.45%
Tỷ giá USD/VND	22,718	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	25,713	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	20,055	0.15%
LS liên NH 1 tháng	1.0%	1.46%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-8.82%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VND	51.9	DXG	-161.1
VCI	34.6	HPG	-107.9
HSG	28.7	MSN	-77.2
NKG	25.2	KBC	-65.0
VNM	22.3	CII	-61.2
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
HDC_Hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD có dấu hiệu đảo chiều
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HDC đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh về quanh ngưỡng 95.0. Thanh khoản cổ phiếu đang duy trì tại ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy cổ phiếu vẫn đang hấp dẫn dòng tiền. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá này. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA50 và tiến về MA20, cho thấy tín hiệu khởi đầu của xu hướng tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 98.0, chốt lãi tại ngưỡng 120.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 95.0.



Nguồn: BSC, PTKT ltrade

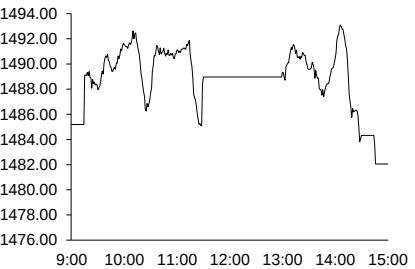
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	1.92%
Dầu khí	1.45%
Thực phẩm và đồ uống	0.73%
Truyền thông	0.72%
Bất động sản	0.40%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.20%
Xây dựng và Vật liệu	0.16%
Ô tô và phụ tùng	0.04%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.01%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	-0.24%
Hóa chất	-0.33%
Bảo hiểm	-0.36%
Tài nguyên Cơ bản	-0.45%
Ngân hàng	-0.70%
Công nghệ Thông tin	-0.77%
Bán lẻ	-1.06%
Dịch vụ tài chính	-1.14%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.17%

Hình 1

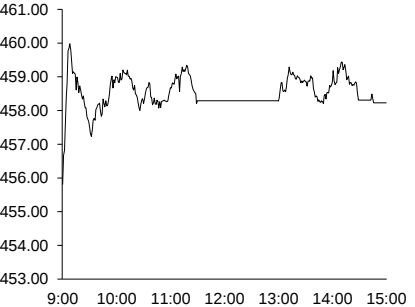
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

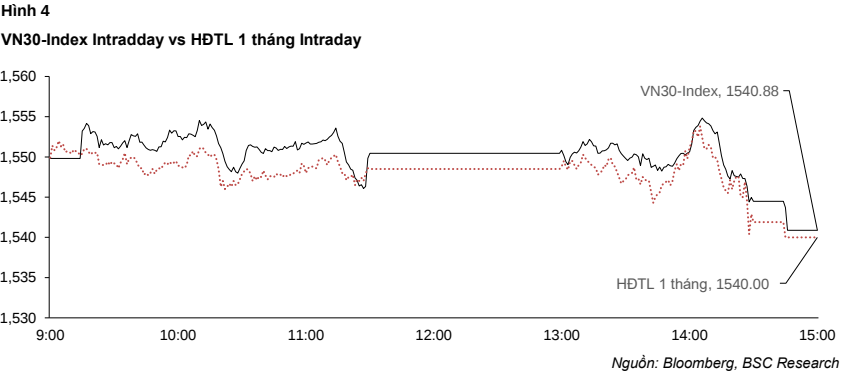
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/1/2021	VGT	26.9	33.7	24	26.6	1	-1.12%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/30/2021	CTD	80	87.7	73	77.9	2	-2.62%	Có thể tiếp tục mua
11/29/2021	HHV	24.3	28.7	23.2	26.1	3	7.41%	Có thể tiếp tục mua
11/26/2021	FCN	18.6	24.3	17.3	22.3	6	19.89%	Có thể tiếp tục mua
11/25/2021	PDR	94.2	108.3	90	94.8	7	0.64%	Có thể tiếp tục mua
11/24/2021	FPT	97.9	112	95.3	97.2	8	-0.72%	Có thể tiếp tục mua
11/18/2021	PAN	40	46	37	41.3	14	3.25%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/16/2021	NTP	62.8	72.1	59.5	62.8	16	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/15/2021	MWG	139.4	154.5	132	137	17	-1.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
11/10/2021	HT1	25.5	29.3	23	26.6	22	4.31%	Có thể tiếp tục mua
11/3/2021	KDC	59.8	66.5	54.5	56.9	29	-4.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/28/2021	PHC	16.5	19.5	14.5	17.35	35	5.15%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/23/2021	VJC	132	142.2	126	SL	6	-4.55%
11/22/2021	DNW	27	30.3	26.5	SL	7	-1.85%
11/19/2021	CSM	22.4	26.5	21	SL	6	-6.25%
11/17/2021	TCM	80.4	95	77.2	SL	12	-3.98%
11/14/2021	TIP	52.2	60.5	50.8	SL	8	-2.68%
11/11/2021	VCG	44.25	50.5	42	TP	19	14.12%
11/9/2021	CTI	19.3	22.3	17.5	TP	6	15.54%
11/8/2021	HAX	25.65	31.5	24.5	TP	22	22.81%
11/5/2021	NTC	179.7	200	170	TP	12	11.30%
11/4/2021	ANV	36.55	42.25	34.3	SL	18	-6.16%
11/2/2021	SJS	69.4	77.5	64.5	TP	27	11.67%
11/1/2021	SSI	41.4	49.05	40	TP	18	18.48%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	5	5.81%	-2.21%	2.47%	13
Cổ phiếu đã chốt	219	140	14.41%	-7.58%	5.83%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1540.00	-0.89%	-0.88	-20.8%	130,690	12/16/2021	14
VN30F2201	1538.00	-0.70%	-2.88	-70.7%	214	1/20/2022	49
VN30F2203	1525.80	-0.54%	-15.08	-13.2%	198	3/17/2022	105
VN30F2206	1530.00	-0.57%	-10.88	48.9%	630	6/16/2022	196

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm 8.93 điểm lên 1540.88 điểm. Các cổ phiếu như VPB, TCB, STB, HPG, MWG, MBB tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Chỉ số VN30 nhiều khả năng sẽ duy trì nhịp tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 1550 điểm trong các phiên giao dịch tới.
- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HĐ VN30F2206 tăng thì các HĐTL còn lại đều giảm. Xét về vị thế mở, HĐ ngoại trừ HĐ VN30F2203 giảm thì các HĐTL còn lại đều tăng. Điểm số cùng với giá trị khộp lệnh của các HĐTL đều giảm đang cho thấy xu hướng đóng vị thế khá mạnh. Các nhà đầu tư có thể canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2110	1/26/2022	55	12:1	13,900	31.96%	2,500	1,450	11.54%	887	1.64	149,360	131,000	137,000
CNVL2104	4/27/2022	146	16:1	98,000	30.93%	1,300	1,160	10.48%	1,739	0.67	129,288	108,888	114,300
CTCB2107	12/27/2021	25	7:1	16,800	34.57%	1,850	1,250	5.04%	678	1.84	64,790	47,500	51,700
CVNM2111	4/27/2022	146	20:1	74,900	20.50%	1,100	830	2.47%	71	11.70	116,888	98,888	87,400
CVPB2107	3/14/2022	102	5:1	59,000	31.34%	5,000	4,490	2.05%	0	34,538.46	74,850	74,000	37,000
CVJC2101	1/6/2022	35	25:1	200,200	22.03%	3,550	1,450	0.69%			135,650	120,000	120,400
CMBB2106	1/26/2022	55	4:1	59,000	33.11%	1,000	520	0.00%	62	8.41	37,240	34,000	29,100
CHPG2114	4/27/2022	146	10:1	151,200	34.43%	1,200	790	0.00%	182	4.34	79,789	56,789	48,600
CHDB2103	4/27/2022	146	8:1	131,100	36.42%	1,000	1,030	0.00%	575	1.79	55,608	28,888	31,500
CTCB2105	5/4/2022	153	5:1	83,600	34.57%	3,600	3,250	-1.52%	1,817	1.79	51,000	45,000	51,700
CMWG2107	1/6/2022	35	5:1	212,200	31.96%	6,600	8,830	-2.21%	3,307	2.67	187,000	165,000	137,000
CMBB2104	1/19/2022	48	2:1	158,700	33.11%	2,900	860	-2.27%	244	3.53	39,360	32,000	29,100
CSTB2107	1/19/2022	48	2:1	211,500	41.17%	2,600	780	-2.50%	417	1.87	34,400	32,000	29,300
CVPB2106	1/19/2022	48	1:1	138,700	31.34%	2,500	1,750	-5.41%	0	43,750.00	72,700	65,000	37,000
CTCB2109	3/7/2022	95	4:1	169,200	34.57%	2,200	2,410	-5.49%	1,207	2.00	54,320	50,000	51,700
CFPT2106	1/10/2022	39	8:1	90,800	25.37%	2,650	1,490	-5.70%	1,112	1.34	103,940	89,300	97,200
CHPG2110	12/6/2021	4	5:1	761,200	34.43%	2,400	910	-9.00%	925	0.98	45,050	44,000	48,600
CVHM2108	12/27/2021	25	9.11:1	40,700	29.01%	1,800	500	-10.71%	165	3.03	101,848	84,994	82,300
CTCB2110	2/4/2022	64	7:1	441,100	34.57%	1,500	820	-10.87%	336	2.44	64,150	54,000	51,700
CPNJ2108	2/10/2022	70	14:1	128,400	29.44%	1,500	850	-15.00%	403	2.11	111,980	97,000	97,400
Tổng				3,226,300	31.86%**								
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 02/12/2021, phần lớn các chứng quyền giảm nhẹ khi thị trường cơ sở giảm điểm cuối phiên.
- CSTB2108 và CSTB2110 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 15.49% và 11.54%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -12.57%. CMWG2110 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.09% thị trường.
- CMWG211, CMWG2108, CVJC2103 và CVPB2110 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CNVL2104, CNVL2103, CSTB2109, CSTB2107 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2109, CMWG2109, CMWG2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	107.20	1.13	1.42
MSN	152.00	1.40	1.08
PDR	94.80	1.94	0.38
SAB	159.00	1.60	0.19
NVL	114.30	0.26	0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VPB	37.0	-2.37	-2.83
TCB	51.7	-1.34	-1.74
STB	29.3	-2.01	-1.17
HPG	48.6	-0.82	-1.05
MWG	137.0	-1.37	-0.96

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	137.0	-1.4%	0.9	4,246	3.7	6,130	22.3	5.2	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	97.4	0.1%	1.0	963	1.8	4,214	23.1	4.0	47.9%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	60.6	-0.8%	1.4	1,956	1.6	2,473	24.5	2.1	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	48.0	1.1%	0.5	489	0.5	4,211	11.4	1.5	56.6%	13.7%
VIC	Bất động sản	107.2	1.1%	0.7	17,736	20.5	1,248	85.9	4.0	13.6%	5.1%
VRE	Bất động sản	29.7	-0.2%	1.1	2,929	5.2	954	31.1	2.2	29.7%	7.4%
VHM	Bất động sản	82.3	-0.7%	1.0	15,581	17.3	8,287	9.9	4.1	23.1%	40.3%
DXG	Bất động sản	32.2	-3.2%	1.3	834	22.3	1,299		2.3	28.1%	10.3%
SSI	Chứng khoán	54.0	-2.2%	1.5	2,306	50.8	2,172	24.9	3.9	38.9%	19.4%
VCI	Chứng khoán	78.2	0.0%	1.0	1,132	8.7	4,165	18.8	4.1	20.2%	26.7%
HCM	Chứng khoán	47.7	-1.1%	1.5	949	9.5	2,651	18.0	3.7	43.7%	22.1%
FPT	Công nghệ	97.2	-1.0%	0.9	3,835	4.0	4,443	21.9	5.2	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	77.9	0.3%	0.4	1,112	0.0	4,304	18.1	5.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	98.4	-0.1%	1.3	8,188	2.5	4,283	23.0	3.8	2.8%	17.6%
PLX	Dầu khí	55.5	2.2%	1.5	3,066	2.8	2,650	20.9	2.9	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	25.7	-1.2%	1.7	534	5.0	1,186	21.7	1.0	7.2%	4.6%
BSR	Dầu khí	21.4	0.0%	0.8	2,885	7.0	(909)		2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	109.1	7.0%	0.4	620	0.7	6,020	18.1	3.9	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	49.8	-4.7%	0.8	846	13.9	4,018	12.4	2.2	9.3%	18.6%
DCM	Hóa chất	39.1	-2.9%	0.7	900	12.4	1,701	23.0	3.1	4.9%	13.7%
VCB	Ngân hàng	99.1	0.1%	1.1	15,980	3.4	5,697	17.4	3.4	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	44.2	-0.2%	1.3	7,729	2.6	2,449	18.0	2.1	16.7%	12.2%
CTG	Ngân hàng	33.8	-0.6%	1.3	7,062	11.7	3,449	9.8	1.7	25.2%	18.6%
VPB	Ngân hàng	37.0	-2.4%	1.2	7,151	17.0	2,781	13.3	2.6	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	29.1	-1.4%	1.2	4,780	9.4	2,940	9.9	2.0	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	33.2	-0.9%	1.0	3,900	3.8	3,599	9.2	2.1	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.7	-1.2%	0.7	209	0.1	2,574	22.8	2.1	84.4%	9.1%
NTP	Nhựa	62.8	-1.4%	0.5	322	0.8	3,574	17.6	2.6	18.5%	15.4%
MSR	Tài nguyên	28.6	-3.1%	0.7	1,367	0.8	39	733.3	2.2	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.6	-0.8%	1.1	9,451	27.3	7,087	6.9	2.6	24.4%	45.6%
HSG	Thép	39.4	0.3%	1.4	845	5.7	8,806	4.5	1.8	9.1%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	87.4	-0.1%	0.6	7,942	4.8	4,511	19.4	5.9	54.5%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	159.0	1.6%	0.8	4,433	1.4	5,883	27.0	4.8	62.8%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	152.0	1.4%	0.9	7,802	6.6	2,031	74.8	8.3	32.3%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	24.8	0.0%	1.2	678	4.2	1,066	23.3	1.9	7.6%	8.3%
ACV	Vận tải	80.3	-0.4%	0.8	7,600	0.2	577	139.2	4.7	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	120.4	0.3%	1.1	2,835	4.3	279		3.8	16.8%	0.9%
HVN	Vận tải	22.9	-0.7%	1.7	2,205	1.8	(6,523)		21.2	5.9%	-267.4%
GMD	Vận tải	49.9	0.5%	1.0	653	2.4	1,443	34.5	2.5	40.9%	7.4%
PVT	Vận tải	24.0	0.0%	1.4	338	2.4	2,443	9.8	1.6	13.2%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	122.9	1.7%	0.9	855	0.3	10,231	12.0	4.2	3.6%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.0	-2.1%	0.4	994	3.7	2,122	24.0	3.5	3.8%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	26.6	0.9%	0.9	441	3.3	1,212	21.9	1.8	3.0%	8.2%
CTD	Xây dựng	77.9	-2.6%	1.0	250	3.9	727	107.1	0.7	45.9%	0.7%
CII	Xây dựng	28.7	-0.9%	0.6	298	10.3	12	2419.5	1.4	20.2%	0.1%
REE	Điện	69.0	-1.3%	-1.4	927	1.3	5,541	12.5	1.7	49.0%	14.7%
PC1	Điện	38.1	0.8%	-0.4	390	3.2	2,804	13.6	1.9	5.5%	16.5%
POW	Điện	14.2	1.1%	0.6	1,441	14.2	1,240	11.4	1.1	3.0%	10.0%
NT2	Điện	22.5	0.4%	0.5	282	0.5	2,063	10.9	1.6	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	51.4	2.4%	1.2	1,273	20.5	1,706	30.1	1.9	16.1%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	53.0	-3%	1.0	2,385	0.6			3.6	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	107.20	1.13	1.18	4.43MLN
MSN	152.00	1.40	0.64	1.00MLN
SAB	159.00	1.60	0.42	206600
PLX	55.50	2.21	0.40	1.19MLN
DIG	68.30	4.43	0.38	4.80MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VPB	0.00	-1.03	10.42MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.68	4.81MLN	607060
TCB	0.00	-0.64	8.97MLN	373600
HPG	0.00	-0.46	12.83MLN	192700
BCM	0.00	-0.43	263000	611640

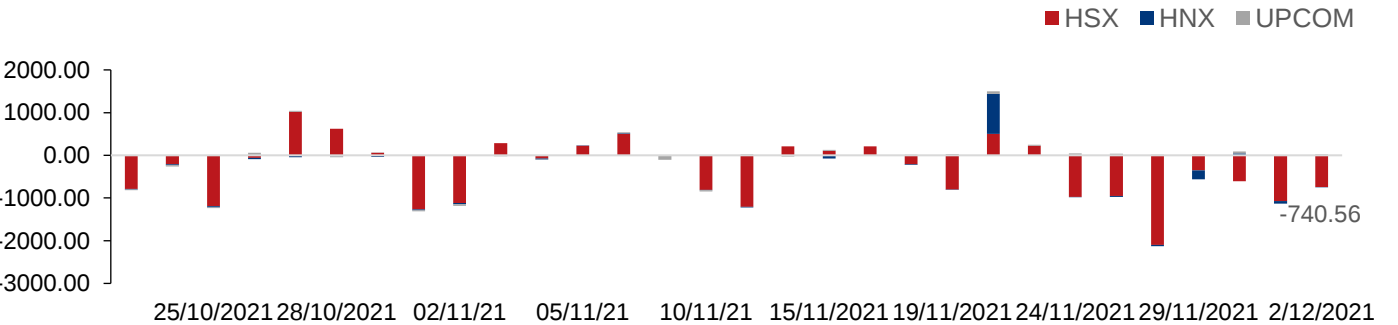
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTB	10.70	7.00	0.01	2.97MLN
HDC	97.90	6.99	0.14	542000
MCG	14.55	6.99	0.01	2.78MLN
QBS	6.74	6.98	0.01	1.45MLN
DLG	7.66	6.98	0.04	8.46MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPM	22.70	-6.97	-0.01	74400
SVT	20.10	-6.94	-0.01	654100
SJF	18.10	-6.94	-0.03	129300.00
DTT	15.45	-6.93	0.00	100
KHP	20.25	-6.90	-0.02	400000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	36.6	1,267	28.9	1.9	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	21.4	-909	#N/A N/A	2.1	Click
4	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	42.2	-511	#N/A N/A	3.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	49.0	3,855	12.7	2.0	Click
6	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	78.2	8,518	9.2	1.9	Click
7	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	39.1	1,701	23.0	3.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	163.2	7,258	22.5	5.6	Click
9	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	128.0	4,942	25.9	7.8	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	86.4	5,988	14.4	4.3	Click
11	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	49.8	4,018	12.4	2.2	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	35.8	2,633	13.6	2.4	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	32.2	1,299	24.8	2.3	Click
14	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	24.7	839	29.4	1.5	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	97.2	4,443	21.9	5.2	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	98.4	4,283	23.0	3.8	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.6	7,087	6.9	2.6	Click
18	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	39.4	8,806	4.5	1.8	Click
19	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	19.0	-1,113	#N/A N/A	1.8	Click
20	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	24.7	1,655	14.9	1.2	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	20.6	1,251	16.5	1.4	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	46.3	1,856	24.9	3.0	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	51.3	6,706	7.7	1.8	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	37.9	3,858	9.8	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	96.9	8,024	12.1	3.2	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	137.0	6,130	22.3	5.2	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	43.0	9,467	4.5	1.8	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	57.4	4,331	13.3	2.5	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.5	2,063	10.9	1.6	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	38.1	2,804	13.6	1.9	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	30.8	2,201	14.0	1.6	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	97.4	4,214	23.1	4.0	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	97.4	4,214	23.1	4.0	Click
34	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	14.2	1,240	11.4	1.1	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	69.0	5,541	12.5	1.7	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	24.8	1066.2	23.3	1.9	Click
37	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.4	1,064	34.2	3.7	Click
38	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	45.9	16,115	2.8	1.2	Click
39	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	60.5	2,570	23.5	4.3	Click
40	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	26.3	3,114	8.4	3.0	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.6	570	46.7	2.1	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	63.7	4,475	14.2	2.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	87.4	4,511	19.4	5.9	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.7	954	31.1	2.2	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.9	3306.9	13.6	2.2	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,559	18.4	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	78.0	3,256	24.0	6.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
3	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
4	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
5	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
7	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
9	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
10	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
13	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
16	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
18	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
20	Banking Sector Outlook		x	Click
21	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
23	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
24	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
25	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
26	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
28	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
29	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
30	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
31	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
33	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
34	Fishery Outlook 2021		x	Click
35	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
36	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
37	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
38	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
39	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
40	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
41	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639